

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2023
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Sinh.
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Bà HĐok Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1986. Vắng mặt (đã có Quyết định tuyên bố mất tích).

Cùng địa chỉ: Buôn K1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2023 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh Đ kết hôn với chị Bùi Thị H vào ngày 14/01/2008, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tại buôn K1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp. Sau khi mâu thuẫn xảy ra nhiều lần, chị H bỏ đi biệt tích, không để lại thông tin liên lạc, anh đã tìm kiếm, liên lạc nhiều nơi để tìm kiếm chị H nhưng không có kết quả. Năm 2022, anh

Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố chị Bùi Thị H mất tích theo quy định của pháp luật. Ngày 12/5/2023 Tòa án đã mở phiên họp chấp nhận yêu cầu của anh Đ, tuyên bố chị Bùi Thị H mất tích.

Từ khi Tòa án tuyên bố chị H mất tích đến nay, địa phương và gia đình cũng không có tin tức gì về chị H. Nhận thấy chị H đã biệt tích nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không có, nên anh Đ khởi kiện xin được ly hôn chị Bùi Thị H.

Về con chung: Anh Đ và chị H có 02 con chung: Phạm Thị P, sinh ngày 31/10/2008 và Phạm Văn V, sinh ngày 07/02/2012. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi đủ tuổi thành niên, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn chị Bùi Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn Đ, anh Đ được ly hôn chị Bùi Thị H.

+ Về con chung: Anh Đ và chị H có 02 con chung: Phạm Thị P, sinh ngày 31/10/2008 và Phạm Văn V, sinh ngày 07/02/2012. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nhận thấy các con chung đang được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao 02 cháu P và V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Văn Đ có đơn khởi kiện ly hôn chị Bùi Thị H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn chị Bùi Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại buôn K1, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự để tham gia tố tụng, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Bùi Thị H đã mất tích, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/01/2008, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Bùi Thị H đã đi khỏi địa phương, biệt tích từ năm 2013 đến nay và bị Tòa án nhân dân huyện K tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật. Nay anh Đ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh ly hôn chị H.

Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, kể từ khi bị tuyên bố mất tích đến nay vẫn không có thông tin gì về chị Bùi Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị H đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H đã mất tích theo quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, anh Đáo được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung*: Anh Đ và chị Hoa có 02 con chung: Phạm Thị P, sinh ngày 31/10/2008 và Phạm Văn V, sinh ngày 07/02/2012. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nhận thấy các con chung đang được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao 02 cháu P và V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định của pháp luật.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Đ.

1/ *Về hôn nhân:* Anh Phạm Văn Đ được ly hôn chị Bùi Thị H.

2/ *Về con chung:* Anh Phạm Văn Đ và chị Bùi Thị H có 02 con chung là Phạm Thị P, sinh ngày 31/10/2008 và Phạm Văn V, sinh ngày 07/02/2012. giao 02 con chung là Phạm Thị P và Phạm Văn V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên.

Chị Bùi Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ *Về tài sản chung:* Anh Phạm Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ *Về án phí:* Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, biên lai số 15571 ngày 01 tháng 8 năm 2023.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Anh Tuấn